

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐÓP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **86** /TTr-UBND

Bù Đóp, ngày 12 tháng 7 năm 2022

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh đầu tư công**  
**trung hạn giai đoạn 2021-2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bù Đóp thông qua kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, thông qua kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, như sau:

**I. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công:**

1. Việc phân bổ vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 của huyện.

2. Phân bổ chi tiết 90% số vốn kế hoạch trung hạn nguồn ngân sách huyện giai đoạn 2021 - 2025; 10% dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn, chủ động cân đối vốn trong trường hợp nguồn thu không đạt kế hoạch.

3. Bố trí tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công.



4. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

5. Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên sau:

- Bố trí vốn để thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản.
- Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025.
- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới thật sự cấp thiết, giải quyết những vấn đề bức xúc của ngành, lĩnh vực, địa phương.

## **II. Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 – 2025:**

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn đoạn 2021 – 2025 là 1.383 tỷ 502 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách huyện: 1.292 tỷ 152 triệu đồng.
2. Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ (làm đường BTXM): 6 tỷ 864 triệu đồng.
2. Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu xây dựng 40 phòng học: 28 tỷ đồng.
3. Vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (ngân sách tỉnh): 56 tỷ 486 triệu đồng.

## **III. Phương án phân bổ:**

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn đoạn 2021 – 2025 là 1.383 tỷ 502 triệu đồng, trong đó bố trí:

1. Dự phòng 10% vốn ngân sách huyện là 117 tỷ 468 triệu đồng.
2. Phân bổ chi tiết 90% là 1.266 tỷ 034 triệu đồng, trong đó:
  - 2.1. Dự án chuyển tiếp: 51 tỷ đồng.
  - 2.2. Dự án khởi công mới: 1.215 tỷ 034 triệu đồng.

(Kèm theo biểu tổng hợp, biểu số 1, biểu số 2, biểu số 3)

UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định. *Nguyễn Văn Thảo*

### **Nơi nhận:**

- TT. UBND huyện;
- TT. Huyện uỷ (B/c);
- TT. HĐND huyện (B/c);
- Đại biểu HĐND huyện (B/c);
- Lưu.

**CHỦ TỊCH**



*Đoàn Văn Thảo*

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Tờ trình số: 46 /TT-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bù Đốp)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT  | Danh mục dự án, công trình                                    | Địa điểm xây dựng | Thời gian thực hiện dự án | Năng lực thiết kế | Tổng mức đầu tư  | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Vốn năm 2021   |                       |                 | Vốn năm 2022   |                       |                 | Chủ đầu tư               | Ghi chú |
|------|---------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|-------------------|------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------------|-----------------------|-----------------|----------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|---------|
|      |                                                               |                   |                           |                   |                  |                                               |                                                          | Tổng           | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện | Tổng           | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện |                          |         |
|      | <b>TỔNG CỘNG</b>                                              |                   |                           |                   | <b>1.548.898</b> | <b>1.443.507</b>                              | <b>1.181.548</b>                                         | <b>147.134</b> | <b>55.386</b>         | <b>268.971</b>  | <b>299.296</b> | <b>128.701</b>        | <b>245.818</b>  |                          |         |
| A    | <b>NĂM 2021</b>                                               |                   |                           |                   | <b>362.983</b>   | <b>272.451</b>                                | <b>362.819</b>                                           | <b>147.134</b> | <b>55.386</b>         | <b>142.748</b>  | <b>142.643</b> | <b>2.478</b>          | <b>89.165</b>   |                          |         |
| I    | <b>DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020</b>               |                   |                           |                   | <b>51.000</b>    | <b>51.000</b>                                 | <b>51.000</b>                                            | <b>51.000</b>  | <b>51.000</b>         | <b>51.000</b>   | <b>51.000</b>  |                       |                 |                          |         |
| II   | <b>DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI</b>                                    |                   |                           |                   | <b>311.983</b>   | <b>221.451</b>                                | <b>311.819</b>                                           | <b>96.134</b>  | <b>4.386</b>          | <b>91.748</b>   | <b>91.643</b>  | <b>2.478</b>          | <b>89.165</b>   |                          |         |
| II.1 | <b>LĨNH VỰC GIAO THÔNG</b>                                    |                   |                           |                   | <b>225.612</b>   | <b>136.015</b>                                | <b>225.448</b>                                           | <b>78.132</b>  | <b>4.386</b>          | <b>73.746</b>   | <b>76.462</b>  | <b>2.478</b>          | <b>73.984</b>   |                          |         |
| 1    | Xây dựng đường GTNT áp Bù Tam xã Hưng Phước                   | Xã Hưng Phước     | 2021                      | 1800m             | 6.325            | 6.325                                         | 6.325                                                    | 2.300          |                       | 2.300           | 2.612          |                       | 2.612           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 2    | Xây dựng đường GTNT áp 5 di ấp Phước Tiến xã Hưng Phước       | Xã Hưng Phước     | 2021                      | 1100m             | 5.627            | 5.627                                         | 5.627                                                    | 2.100          |                       | 2.100           | 2.271          |                       | 2.271           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 3    | Nâng cấp đường GTNT áp Tân Hưng xã Phước Thiện                | Xã Phước Thiện    | 2021                      | 831m              | 4.115            | 4.115                                         | 4.115                                                    | 1.500          |                       | 1.500           | 1.696          |                       | 1.696           | UBND xã Phước Thiện      |         |
| 4    | Nâng cấp đường GTNT áp Điện Ánh xã Phước Thiện                | Xã Phước Thiện    | 2021                      | 960m              | 3.035            | 3.035                                         | 3.035                                                    | 1.100          |                       | 1.100           | 1.280          |                       | 1.280           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 5    | Nâng cấp đường GTNT áp Mười Mầu xã Phước Thiện                | Xã Phước Thiện    | 2021                      | 2800m             | 5.995            | 5.995                                         | 5.995                                                    | 2.500          |                       | 2.500           | 2.156          |                       | 2.156           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 6    | Xây dựng đường GTNT áp 6 di ấp 10, ấp 1 di ấp 4 xã Thiện Hưng | Xã Thiện Hưng     | 2021                      | 4900m             | 14.995           | 14.995                                        | 14.995                                                   | 5.000          |                       | 5.000           | 6.802          |                       | 6.802           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 7    | Đường láng nhựa tổ 3, tổ 4 ấp 2 xã Thanh Hòa                  | Xã Thanh Hòa      | 2021                      | 2800m             | 4.585            | 4.585                                         | 4.585                                                    | 2.200          |                       | 2.200           | 1.293          |                       | 1.293           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |

| STT | Danh mục dự án, công trình                                         | Địa điểm xây dựng   | Thời gian thực hiện dự án | Năng lực thiết kế | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Vốn năm 2021 |                       |                 | Vốn năm 2022 |                       |                 | Chủ đầu tư               | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------|-----------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|---------|
|     |                                                                    |                     |                           |                   |                 |                                               |                                                          | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện |                          |         |
| 8   | Đường láng nhựa tổ 3, tổ 4 ấp 5 xã Thanh Hòa                       | Xã Thanh Hòa        | 2021                      | 1900m             | 4.064           | 4.064                                         | 4.064                                                    | 1.938        |                       | 1.938           | 1.218        |                       | 1.218           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 9   | Xây dựng các tuyến đường ấp 2, ấp 3, ấp 8 xã Thanh Hòa             | Xã Thanh Hòa        | 2021                      | 4500m             | 8.729           | 8.729                                         | 8.729                                                    | 3.000        |                       | 3.000           | 3.846        |                       | 3.846           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 10  | Xây dựng các tuyến đường ấp 5, ấp 9 xã Thanh Hòa                   | Xã Thanh Hòa        | 2021                      | 3900m             | 11.096          | 11.096                                        | 11.096                                                   | 3.100        |                       | 3.100           | 5.354        |                       | 5.354           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 11  | Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Phước xã Tân Tiến                       | Xã Tân Tiến         | 2021                      | 1700m             | 2.394           | 2.394                                         | 2.394                                                    | 900          |                       | 900             | 959          |                       | 959             | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 12  | Nâng cấp đường GTNT ấp Sóc Nè, ấp Tân Thuận, ấp Tân An xã Tân Tiến | Xã Tân Tiến         | 2021                      | 3500m             | 5.153           | 5.153                                         | 5.153                                                    | 2.100        |                       | 2.100           | 1.902        |                       | 1.902           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 13  | Xây dựng đường nhựa ấp Tân Bình xã Tân Tiến                        | Xã Tân Tiến         | 2021                      | 3700m             | 6.697           | 6.697                                         | 6.697                                                    | 3.700        |                       | 3.700           | 1.501        |                       | 1.501           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 14  | Nâng cấp đường GTNT tổ 25 ấp Tân Hội xã Tân Thành                  | Xã Tân Thành        | 2021                      | 2000m             | 3.335           | 3.335                                         | 3.335                                                    | 1.400        |                       | 1.400           | 1.190        |                       | 1.190           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 15  | Nâng cấp đường GTNT tổ 28 ấp Tân Phong xã Tân Thành                | Xã Tân Thành        | 2021                      | 1700m             | 2.907           | 2.907                                         | 2.907                                                    | 2.200        |                       | 2.200           | -            |                       | -               | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 16  | Nâng cấp đường Khu phố Thanh Bình thị trấn Thanh Bình              | Thị trấn Thanh Bình | 2021                      | 800m              | 1.960           | 1.960                                         | 1.960                                                    | 700          |                       | 700             | 793          |                       | 793             | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 17  | Nâng cấp đường Khu phố Thanh Xuân thị trấn Thanh Bình              | Thị trấn Thanh Bình | 2021                      | 1200m             | 4.484           | 4.484                                         | 4.484                                                    | 1.700        |                       | 1.700           | 1.812        |                       | 1.812           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 18  | Xây dựng đường GTNT kết nối Cầu Bình Thẳng                         | Xã Thanh Hòa        | 2021                      | 280m              | 1.500           | 1.500                                         | 1.500                                                    | 500          |                       | 500             | 500          |                       | 500             | UBND xã Thanh Hòa        |         |

| STT  | Danh mục dự án, công trình                                                                          | Địa điểm xây dựng   | Thời gian thực hiện dự án | Năng lực thiết kế | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Vốn năm 2021 |                       |                 | Vốn năm 2022 |                       |                 | Chủ đầu tư               | Ghi chú |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------|-----------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|---------|
|      |                                                                                                     |                     |                           |                   |                 |                                               |                                                          | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện |                          |         |
| 19   | Nâng cấp, mở rộng đường từ Thôn 1 xã Thiện Hưng đi Trung Đoàn 717                                   | Xã Thiện Hưng       | 2021                      | 2.045m            | 20.719          | 20.719                                        | 20.719                                                   | 5.000        |                       | 5.000           | 10.000       |                       | 10.000          | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 20   | Nâng cấp đường GTNT ấp 5, ấp 9 xã Thanh Hoà                                                         | Xã Thanh Hòa        | 2021                      | 2.000m            | 3.500           | 3.500                                         | 3.500                                                    | 1.000        |                       | 1.000           | 1.351        |                       | 1.351           | UBND xã Thanh Hoà        |         |
| 21   | Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Nhân - Tân Nghĩa xã Tân Tiến                                             | Xã Tân Tiến         | 2021                      | 2.000m            | 3.500           | 3.500                                         | 3.500                                                    | 1.000        |                       | 1.000           | 1.751        |                       | 1.751           | UBND xã Tân Tiến         |         |
| 22   | Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Thuận xã Tân Tiến                                                        | Xã Tân Tiến         | 2021                      | 800m              | 1.000           | 1.000                                         | 836                                                      | 746          |                       | 746             | -            |                       | -               | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 23   | Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ ấp 4, ấp Bù Tam đi trung tâm xã Hưng Phước                          | Xã Hưng Phước       | 2021                      | 3.000m            | 5.300           | 5.300                                         | 5.300                                                    | 1.600        |                       | 1.600           | 2.596        |                       | 2.596           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 24   | Nâng cấp, mở rộng đường GTNTấp Tân Hưng xã Phước Thiện                                              | Xã Phước Thiện      | 2021                      | 600m              | 5.000           | 5.000                                         | 5.000                                                    | 1.500        |                       | 1.500           | 1.101        |                       | 1.101           | UBND xã Phước Thiện      |         |
| 25   | Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Ngã tư Thôn 6 đi Thôn 10 xã Thiện Hưng                              | Xã Thiện Hưng       | 2021                      | 4.053m            | 29.597          |                                               | 29.597                                                   | 15.600       |                       | 15.600          | 10.000       |                       | 10.000          | Phòng Kinh tế và Hạ tầng |         |
| 26   | Đường GTNT, sân bằng bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù                                            | Huyện Bù Đốp        |                           |                   | 60.000          |                                               | 60.000                                                   | 13.748       | 4.386                 | 9.362           | 12.478       | 2.478                 | 10.000          |                          |         |
| II.2 | LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH                                                                       |                     |                           |                   | 5.476           | 5.476                                         | 5.476                                                    | 2.900        | -                     | 2.900           | 1.547        | -                     | 1.547           |                          |         |
| 1    | Xây dựng nhà công vụ Công an xã Thanh Hòa                                                           | Xã Thanh Hòa        | 2021                      | 215m2             | 1.453           | 1.453                                         | 1.453                                                    | 500          |                       | 500             | 884          |                       | 884             | UBND xã Thanh Hòa        |         |
| 2    | Xây dựng nhà làm việc khối quản lý hành chính Công an huyện Bù Đốp                                  | Thị trấn Thanh Bình | 2021                      | 505m2             | 4.023           | 4.023                                         | 4.023                                                    | 2.400        |                       | 2.400           | 663          |                       | 663             | Công an huyện            |         |
| II.3 | LĨNH VỰC GIÁO DỤC                                                                                   |                     |                           |                   | 22.515          | 22.515                                        | 22.515                                                   | 3.967        | -                     | 3.967           | 5.612        | -                     | 5.612           |                          |         |
| 1    | Xây dựng 06 phòng bộ môn lâu, 05 phòng làm việc và hàng rào, sân bê tông Trường TH&THCS Phước Thiện | Xã Phước Thiện      | 2022-2025                 | 11 Phòng (1200m2) | 10.000          | 10.000                                        | 10.000                                                   | -            |                       | -               | -            |                       | -               | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |

| STT                                   | Danh mục dự án, công trình                                                                                                                                   | Địa điểm xây dựng   | Thời gian thực hiện dự án | Năng lực thiết kế | Tổng mức đầu tư  | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Vốn năm 2021 |                       |                 | Vốn năm 2022   |                       |                 | Chủ đầu tư                         | Ghi chú |
|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------|------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|----------------|-----------------------|-----------------|------------------------------------|---------|
|                                       |                                                                                                                                                              |                     |                           |                   |                  |                                               |                                                          | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện | Tổng           | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện |                                    |         |
| 2                                     | Xây dựng 02 phòng thư viện Trường Tiểu học Tân Thành A                                                                                                       | Xã Tân Thành        | 2021                      | 300m2             | 2.142            | 2.142                                         | 2.142                                                    | 800          |                       | 800             | 832            |                       | 832             | Ban QLDA Đầu tư xây dựng           |         |
| 3                                     | Xây dựng nhà tập đa năng Trường Trung học cơ sở Tân Thành                                                                                                    | Xã Tân Thành        | 2021                      | 450m2             | 2.810            | 2.810                                         | 2.810                                                    | 1.000        |                       | 1.000           | 1.142          |                       | 1.142           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng           |         |
| 4                                     | Xây dựng nhà tập đa năng Trường Trung học cơ sở Thanh Bình                                                                                                   | Thị trấn Thanh Bình | 2021                      | 457m2             | 2.865            | 2.865                                         | 2.865                                                    | 1.000        |                       | 1.000           | 1.183          |                       | 1.183           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng           |         |
| 5                                     | Xây dựng 04 phòng học, nhà giáo dục thể chất Trường Tiểu học Thiện Hưng C                                                                                    | Xã Thiện Hưng       | 2022-2025                 | 350m2             | 4.698            | 4.698                                         | 4.698                                                    | 1.167        |                       | 1.167           | 2.455          |                       | 2.455           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng           |         |
| <b>II.4 LĨNH VỰC Y TẾ</b>             |                                                                                                                                                              |                     |                           |                   | <b>12.880</b>    | <b>12.880</b>                                 | <b>12.880</b>                                            | <b>4.000</b> | -                     | <b>4.000</b>    | <b>5.374</b>   | -                     | <b>5.374</b>    |                                    |         |
| 1                                     | Xây dựng khu hành chính và cấp cứu Bệnh viện Đa khoa huyện Bù Đốp                                                                                            | Thị trấn Thanh Bình | 2021                      | 750m2             | 12.880           | 12.880                                        | 12.880                                                   | 4.000        |                       | 4.000           | 5.374          |                       | 5.374           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng           |         |
| <b>II.5 LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI</b> |                                                                                                                                                              |                     |                           |                   | <b>45.500</b>    | <b>44.565</b>                                 | <b>45.500</b>                                            | <b>7.135</b> | -                     | <b>7.135</b>    | <b>2.648</b>   | -                     | <b>2.648</b>    |                                    |         |
| 1                                     | Xây dựng nhà văn hóa ấp 5 xã Hưng Phước                                                                                                                      | Xã Hưng Phước       | 2021                      | 177m2             | 1.644            | 1.644                                         | 1.644                                                    | 600          |                       | 600             | 966            |                       | 966             | Ban QLDA Đầu tư xây dựng           |         |
| 2                                     | Xây dựng nhà văn hóa ấp 6 xã Hưng Phước                                                                                                                      | Xã Hưng Phước       | 2021                      | 177m2             | 1.470            | 1.470                                         | 1.470                                                    | 600          |                       | 600             | 800            |                       | 800             | Ban QLDA Đầu tư xây dựng           |         |
| 3                                     | Xây dựng nhà văn hóa ấp 3 xã Hưng Phước                                                                                                                      | Xã Hưng Phước       | 2021                      | 177m2             | 1.451            | 1.451                                         | 1.451                                                    | 500          |                       | 500             | 882            |                       | 882             | Ban QLDA Đầu tư xây dựng           |         |
| 4                                     | Mở rộng khu dân cư và xây dựng thiết chế Văn hóa xã Thiện Hưng                                                                                               | Xã Thiện Hưng       | 2021-2025                 | 30ha              | 40.000           | 40.000                                        | 40.000                                                   | 4.500        |                       | 4.500           | -              |                       | -               | Phòng Tài nguyên - Môi trường      |         |
| 5                                     | Trích đo địa chính, cắm mốc ranh và bồi thường GPMB Dự án xây dựng điểm dân cư liên kế chốt dân quân biên giới xã Tân Thành, xã Phước Thiện và xã Hưng Phước | Huyện Bù Đốp        | 2021                      |                   | 935              | 935                                           | 935                                                      | 935          |                       | 935             | -              |                       | -               | Trung tâm phát triển quỹ đất huyện |         |
| <b>B NĂM 2022-2025</b>                |                                                                                                                                                              |                     |                           |                   | <b>1.185.915</b> | <b>1.171.056</b>                              | <b>818.729</b>                                           | -            | -                     | <b>126.223</b>  | <b>156.653</b> | <b>126.223</b>        | <b>156.653</b>  |                                    |         |
| <b>DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI</b>            |                                                                                                                                                              |                     |                           |                   | <b>1.185.915</b> | <b>1.171.056</b>                              | <b>818.729</b>                                           | -            | -                     | <b>126.223</b>  | <b>156.653</b> | <b>126.223</b>        | <b>156.653</b>  |                                    |         |
| <b>I LĨNH VỰC GIAO THÔNG</b>          |                                                                                                                                                              |                     |                           |                   | <b>855.299</b>   | <b>871.120</b>                                | <b>552.853</b>                                           | -            | -                     | <b>121.738</b>  | <b>121.738</b> | <b>121.738</b>        | <b>121.738</b>  |                                    |         |

| STT | Danh mục dự án, công trình                                                                                                   | Địa điểm xây dựng | Thời gian thực hiện dự án | Năng lực thiết kế | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Vốn năm 2021 |                       |                 | Vốn năm 2022 |                       |                 | Chủ đầu tư               | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|-------------------|-----------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|---------|
|     |                                                                                                                              |                   |                           |                   |                 |                                               |                                                          | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện |                          |         |
| 1   | Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp 6 xã Hưng Phước                                                                              | Xã Hưng Phước     | 2022-2025                 | 1.500m            | 6.000           | 6.000                                         | 5.971                                                    | -            |                       |                 | 1.800        |                       | 1.800           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 2   | Xây dựng đường GTNT ấp Tân Trạch xã Phước Thiện                                                                              | Xã Phước Thiện    | 2022-2025                 | 1.500m            | 6.000           | 6.000                                         | 6.000                                                    | -            |                       |                 | 1.791        |                       | 1.791           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 3   | Xây dựng đường GTNT ấp Điện Ánh xã Phước Thiện                                                                               | Xã Phước Thiện    | 2022-2025                 | 3.000m            | 12.000          | 12.000                                        | 12.000                                                   | -            |                       |                 | 3.000        |                       | 3.000           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 4   | Xây dựng đường GTNT ấp Mười Mầu xã Phước Thiện                                                                               | Xã Phước Thiện    | 2022-2025                 | 1.500m            | 6.000           | 6.000                                         | 6.000                                                    | -            |                       |                 | 1.800        |                       | 1.800           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 5   | Xây dựng đường GTNT Thôn 10 xã Thiện Hưng đi ấp Mười Mầu xã Phước Thiện                                                      | Xã Thiện Hưng     | 2022-2025                 | 2.000m            | 8.000           | 8.000                                         | 8.000                                                    | -            |                       |                 | 4.000        |                       | 4.000           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 6   | Nâng cấp đường GTNT từ Thôn 1 đi Thôn 4 xã Thiện Hưng                                                                        | Xã Thiện Hưng     | 2022-2025                 | 1.500m            | 6.000           | 6.000                                         | 6.000                                                    | -            |                       |                 | 5.700        |                       | 5.700           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 7   | Xây dựng đường GTNT ấp 3 xã Thanh Hoà                                                                                        | Xã Thanh Hoà      | 2022-2025                 | 1.000m            | 4.000           | 4.000                                         | 4.000                                                    | -            |                       |                 | 1.000        |                       | 1.000           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 8   | Xây dựng đường GTNT ấp 7 xã Thanh Hoà                                                                                        | Xã Thanh Hoà      | 2022-2025                 | 1.500m            | 5.000           | 5.000                                         | 5.000                                                    | -            |                       |                 | 1.500        |                       | 1.500           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 9   | Xây dựng đường GTNT tổ 1 đi tổ 6 ấp 7 xã Thanh Hoà                                                                           | Xã Thanh Hoà      | 2022-2025                 | 1.000m            | 4.000           | 4.000                                         | 4.000                                                    | -            |                       |                 | 1.500        |                       | 1.500           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 10  | Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp 4 xã Thanh Hoà                                                                               | Xã Thanh Hoà      | 2022-2025                 | 1.200m            | 4.000           | 4.000                                         | 4.000                                                    | -            |                       |                 | 2.000        |                       | 2.000           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 11  | Xây dựng đường GTNT từ ấp Tân Bình đi ấp Tân Nghĩa xã Tân Tiến                                                               | Xã Tân Tiến       | 2022-2025                 | 2.000m            | 5.000           | 5.000                                         | 5.000                                                    | -            |                       |                 | 2.000        |                       | 2.000           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 12  | Nâng cấp đường GTNT tổ 19 ấp Tân Lợi xã Tân Thành                                                                            | Xã Tân Thành      | 2022-2025                 | 1.000m            | 3.000           | 3.000                                         | 3.000                                                    | -            |                       |                 | 1.097        |                       | 1.097           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 13  | Xây dựng đường GTNT từ đường ĐT 759B đi ấp 4 xã Hưng Phước (khu tái định cư đập thủy lợi Bù Tam) ra đường tuần tra biên giới | Xã Hưng Phước     | 2022-2025                 | 4500m             | 11.250          | 11.250                                        | 11.250                                                   | -            |                       |                 | -            |                       | -               |                          |         |
| 14  | Xây dựng đường GTNT từ đường ĐT 759B (ấp 3 xã Hưng Phước) đi đường tuần tra biên giới                                        | Xã Hưng Phước     | 2022-2025                 | 5000m             | 12.500          | 12.500                                        | 12.500                                                   | -            |                       |                 | -            |                       | -               |                          |         |

| STT | Danh mục dự án, công trình                                                                                                                                                     | Địa điểm xây dựng          | Thời gian thực hiện dự án | Năng lực thiết kế | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Vốn năm 2021 |                       |                 | Vốn năm 2022 |                       |                 | Chủ đầu tư               | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------|-------------------|-----------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                                                                |                            |                           |                   |                 |                                               |                                                          | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện |                          |         |
| 15  | Xây dựng đường GTNT từ đường ĐT759B (Chợ biên giới cũ) đi đường tuần tra bên giới (Khu dân cư liên kế chốt Dân quân bên giới xã Hưng Phước)                                    | Xã Hưng Phước              | 2022-2025                 | 3000m             | 7.500           | 7.500                                         | 7.500                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 16  | Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ ĐT 759 đi thôn 3 xã Thiện Hưng                                                                                                                 | Xã Thiện Hưng              | 2022-2025                 | 3000m             | 12.000          | 25.000                                        | 12.000                                                   | -            | -                     | -               | 9.000        | -                     | 9.000           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 17  | Xây dựng đường từ đường ĐT 759B (đôi chi khu) đi thôn 1, thôn 4, thôn 5, thôn 7 xã Thiện Hưng đi đôn Biên Phòng Thanh Hóa ra đường tuần tra bên giới                           | Xã Thiện Hưng              | 2022-2025                 | 6000m             | 15.000          | 15.000                                        | 15.000                                                   | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 18  | Đường vành đai từ ĐT 759B áp 2 xã Thanh Hóa (ngã ba Bằng Lăng) đến trung tâm thương mại huyện Bù Đốp                                                                           | Xã Thanh Hóa               | 2022-2025                 | 6000m             | 15.000          | 15.000                                        | 15.000                                                   | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 19  | Nâng cấp, mở rộng đường liên xã từ Cầu khu phố Thanh Xuân thị trấn Thanh Bình đến ấp 9 xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp (Kết nối với Cầu Bình Thắng xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập) | Xã Thanh Hòa               | 2022-2025                 | 10000m            | 23.517          | 23.517                                        | 23.517                                                   | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 20  | Xây dựng đường liên xã từ đường ĐT 759 (cầu Sông Bé) xã Thanh Hoài đi xã Tân Tiến, xã Tân Thành                                                                                | Huyện Bù Đốp               | 2022-2025                 | 15000m            | 37.500          | 37.500                                        | 37.500                                                   | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 21  | Xây dựng đường từ đường ĐT 759B (đoạn nân của Tân Tiến) đến khu dân cư đi chốt dân quân liên kế xã Tân Thành ra đường tuần tra bên giới                                        | Xã Tân Tiến                | 2022-2025                 | 5000m             | 12.500          | 12.500                                        | 12.500                                                   | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 22  | Xây dựng đường từ đường ĐT 759B (trung tâm xã Tân Tiến) đi xã Thanh Hòa                                                                                                        | Xã Tân Tiến - xã Thanh Hòa | 2022-2025                 | 7000m             | 17.500          | 17.500                                        | 17.500                                                   | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 23  | Xây dựng đường từ đường ĐT 759B (chợ Tân Thành) đi xã Lộc Quang - huyện Lộc Ninh                                                                                               | Xã Tân Thành               | 2022-2025                 | 10000m            | 10.000          | 10.000                                        | 10.000                                                   | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 24  | Đường vành đai 3 từ ĐT759 đi trung tâm xã Thiện Hưng                                                                                                                           | Thị trấn Thanh Bình        | 2022-2025                 | 1600m             | 16.000          | 16.000                                        | 16.000                                                   | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 25  | Đường từ ngã tư đường Cống Quỳnh - Hồng Văn Thụ (thị trấn Thanh Bình) đi ấp 3 xã Thanh Hòa                                                                                     | Thị trấn Thanh Bình        | 2022-2025                 | 2000m             | 20.000          | 20.000                                        | 20.000                                                   | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 26  | Đường láng nhựa từ thôn 2 xã Thiện Hưng đến Trường TH Thiện Hưng C                                                                                                             | Xã Thiện Hưng              | 2022-2025                 | 1500m             | 3.750           | 3.750                                         | 3.750                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 27  | Xây dựng đường ấp Tân Thuận xã Tân Tiến đi Đới 2 Trung đoàn 717                                                                                                                | Xã Tân Tiến                | 2022-2025                 | 1000m             | 2.000           | 2.000                                         | 2.000                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |

| STT | Danh mục dự án, công trình                                                                                                 | Địa điểm xây dựng   | Thời gian thực hiện dự án | Năng lực thiết kế | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Vốn năm 2021 |                       |                 | Vốn năm 2022 |                       |                 | Chủ đầu tư               | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------|-----------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|---------|
|     |                                                                                                                            |                     |                           |                   |                 |                                               |                                                          | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện |                          |         |
| 28  | Xây dựng đường nhựa áp Tân Hòa xã Tân Tiến                                                                                 | Xã Tân Tiến         | 2022-2025                 | 2000m             | 2.400           | 5.000                                         | 2.400                                                    | -            | -                     | -               | 700          | -                     | 700             | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 29  | Xây dựng đường nhựa áp Tân Thuận xã Tân Tiến                                                                               | Xã Tân Tiến         | 2022-2025                 | 1300m             | 3.000           | 3.250                                         | 3.000                                                    | -            | -                     | -               | 1.000        | -                     | 1.000           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 30  | Nâng cấp xây cầu thay thế cầu sắt áp Tân Hiệp xã Tân Thành                                                                 | Xã Tân Thành        | 2022-2025                 |                   | 3.000           | 3.000                                         | 3.000                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 31  | Nâng cấp cầu suối Mười Đạo áp Tân Đông xã Tân Thành                                                                        | Xã Tân Thành        | 2022-2025                 |                   | 3.000           | 3.000                                         | 3.000                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 32  | Đường GTNT áp Tân Định xã Tân Thành                                                                                        | Xã Tân Thành        | 2022-2025                 | 900m              | 2.500           | 2.500                                         | 2.500                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 33  | Đường GTNT Tổ 50B áp Tân Đông xã Tân Thành                                                                                 | Xã Tân Thành        | 2022-2025                 | 1.400m            | 3.500           | 3.500                                         | 3.500                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 34  | Nâng cấp tuyến đường tuần tra quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng thuộc Ban QLRRPH Bù Đốp                    | Xã Phước Thiện      | 2022-2025                 | 4.500m            | 2.800           |                                               | 2.800                                                    | -            | -                     | -               | 840          | -                     | 840             | Phòng Kinh tế và Hạ tầng |         |
| 35  | Xây dựng đường sỏi đỏ áp Thanh Sơn thị trấn Thanh Bình                                                                     | Thị trấn Thanh Bình | 2022-2025                 | 1.500m            | 2.400           |                                               | 2.400                                                    | -            | -                     | -               | 720          | -                     | 720             | UBND thị trấn Thanh Bình |         |
| 36  | Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Ngã tư thôn 6 đi Nông Trường 5 xã Thiện Hưng                                               | Xã Thiện Hưng       | 2022-2025                 | 2.900m            | 20.000          |                                               | 20.000                                                   | -            | -                     | -               | 7.000        | -                     | 7.000           | Phòng Kinh tế và Hạ tầng |         |
| 37  | Nâng cấp đường GTNT Tổ 2 áp Phước Tiến xã Hưng Phước                                                                       | Xã Hưng Phước       | 2022-2025                 | 464m              | 1.840           |                                               | 1.840                                                    | -            | -                     | -               | 1.000        | -                     | 1.000           | Phòng Kinh tế và Hạ tầng |         |
| 38  | Nâng cấp, mở rộng đường GTNT Tổ 5, Tổ 8 áp Bì Tam xã Hưng Phước                                                            | Xã Hưng Phước       | 2022-2025                 | 2.392m            | 9.160           |                                               | 9.160                                                    | -            | -                     | -               | 5.000        | -                     | 5.000           | Phòng Kinh tế và Hạ tầng |         |
| 39  | Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ ĐT.759B đi áp Tân Thuận xã Tân Tiến                                                        | Xã Tân Tiến         | 2022-2025                 | 1.872m            | 19.000          |                                               | 19.000                                                   | -            | -                     | -               | 15.000       | -                     | 15.000          | Ban QLDA đầu tư xây dựng |         |
| 40  | Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ áp Sóc Nê xã Tân Tiến đi áp 9 xã Thanh Hòa                                                 | Xã Thanh Hòa        | 2022-2025                 | 3.500m            | 12.000          |                                               | 12.000                                                   | -            | -                     | -               | 7.000        | -                     | 7.000           | Ban QLDA đầu tư xây dựng |         |
| 41  | Thăm bề tổng nhựa các tuyến đường Khu TTTC huyện và đường Tổ 2, Tổ 6 Khu phố Thanh Xuân, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp | Thị trấn Thanh Bình | 2022-2025                 | 3.500m            | 18.000          |                                               | 18.000                                                   | -            | -                     | -               | 12.000       | -                     | 12.000          | Ban QLDA đầu tư xây dựng |         |
| 42  | Xây dựng đường Nguyễn Tài Nổi dài, huyện Bù Đốp                                                                            | Thị trấn Thanh Bình | 2022-2025                 | 550m              | 17.000          |                                               | 17.000                                                   | -            | -                     | -               | 12.000       | -                     | 12.000          | Ban QLDA đầu tư xây dựng |         |
| 43  | Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ ĐT.759 đi tổ 5, 8 áp Thanh Tâm thị trấn Thanh Bình                                         | Thị trấn Thanh Bình | 2022-2025                 | 3.373m            | 19.000          |                                               | 19.000                                                   | -            | -                     | -               | 11.000       | -                     | 11.000          | Ban QLDA đầu tư xây dựng |         |
| 44  | Xây dựng đường sỏi đỏ từ áp 1 xã Thanh Hòa đến Tổ 5 khu phố Thanh Bình, thị trấn Thanh Bình                                | Xã Thanh Hòa        | 2022-2025                 | 750m              | 750             |                                               | 750                                                      | -            | -                     | -               | 750          | -                     | 750             | UBND xã Thanh Hòa        |         |

| STT                                     | Danh mục dự án, công trình                                                                                                                                           | Địa điểm xây dựng   | Thời gian thực hiện dự án | Năng lực thiết kế | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Vốn năm 2021 |                       |                 | Vốn năm 2022 |                       |                 | Chủ đầu tư                | Ghi chú |
|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------|-----------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------|-----------------------|-----------------|---------------------------|---------|
|                                         |                                                                                                                                                                      |                     |                           |                   |                 |                                               |                                                          | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện |                           |         |
| 45                                      | Nâng cấp, sửa chữa đường sỏi đỏ từ khu 134 ấp Mười Mầu đi khu du lịch suối ké thuộc xã Phước Thiện                                                                   | Xã Phước Thiện      | 2022-2025                 | 6.000m            | 3.500           |                                               | 3.500                                                    |              |                       |                 | 3.500        |                       |                 | UBND xã Phước Thiện       |         |
| 46                                      | Nâng cấp, sửa chữa hệ thống đường sỏi đỏ khu vực cấp đất an sinh xã hội thuộc các tiểu khu 59, 60, 65 xã Phước Thiện đi Khu dân cư liên kế Đồn Bền phòng Phước Thiện | Xã Phước Thiện      | 2022-2025                 | 10.500m           | 3.500           |                                               | 3.500                                                    |              |                       |                 | 3.500        |                       |                 | Phòng Nông nghiệp và PTNT |         |
| 47                                      | Xây dựng đường giao thông đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Nguyễn Lương Bằng, thị trấn Thanh Bình                                                            | Thị trấn Thanh Bình | 2022-2025                 | 242m              | 2.000           |                                               | 2.000                                                    |              |                       |                 | 700          |                       |                 | Ban QLDA đầu tư xây dựng  |         |
| 48                                      | Xây dựng nhà làm việc khối Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đốp                                                                                            | Thị trấn Thanh Bình | 2022-2025                 | 1000m2            | 10.000          |                                               | 10.000                                                   |              |                       |                 | 3.000        |                       |                 | Công an huyện             |         |
| 49                                      | Lắp đặt Hệ thống Camera giám sát giao thông và an ninh trên địa bàn huyện                                                                                            | Huyện Bù Đốp        | 2022-2025                 |                   | 2.800           |                                               | 2.800                                                    |              |                       |                 | 840          |                       |                 | Công an huyện             |         |
| 50                                      | Nâng cấp láng nhựa đường từ đường ĐT 759B đi rừng phòng hộ đầu nguồn xã Phước Thiện                                                                                  | Xã Phước Thiện      | 2022-2023                 | 10.000m           | 22.000          |                                               | 22.000                                                   |              |                       |                 |              |                       |                 |                           | Bổ sung |
| 51                                      | Nâng cấp đường giao thông vào khu vực rừng gen thuộc xã Tân Tiến                                                                                                     | Xã Tân Tiến         | 2022                      | 862m              | 2.500           |                                               | 2.500                                                    |              |                       |                 |              |                       |                 |                           | Bổ sung |
| 52                                      | Xây dựng đường GTNT khu dân cư ấp 3 xã Thanh Hòa                                                                                                                     | Xã Thanh Hòa        | 2022-2023                 | 1.700m            | 12.000          |                                               | 12.000                                                   |              |                       |                 |              |                       |                 |                           | Bổ sung |
| 53                                      | Xây dựng đường GTNT từ Cây Xài ấp Bù Tam đi đường tuần tra biên giới xã Hưng Phước                                                                                   | Xã Hưng Phước       | 2022                      | 1.935m            | 3.500           |                                               | 3.500                                                    |              |                       |                 |              |                       |                 |                           | Bổ sung |
| 54                                      | Nâng cấp đường GTNT ấp Phước Tiến đi Đồn Biên phòng 793 xã Hưng Phước                                                                                                | Xã Hưng Phước       | 2022                      | 1.700m            | 2.500           |                                               | 2.500                                                    |              |                       |                 |              |                       |                 |                           | Bổ sung |
| 55                                      | Nâng cấp đường GTNT ấp 9 xã Thanh Hòa                                                                                                                                | Xã Thanh Hòa        | 2022                      | 1.300m            | 2.365           |                                               | 2.365                                                    |              |                       |                 |              |                       |                 |                           | Bổ sung |
| 56                                      | Xây dựng đường GTNT từ Tổ 6 Thôn 1 đi Tổ 6 Thôn 7 xã Thiện Hưng                                                                                                      | Xã Thiện Hưng       | 2023                      | 3.400m            | 14.000          |                                               | 14.000                                                   |              |                       |                 |              |                       |                 |                           | Bổ sung |
| 57                                      | Xây dựng đường GTNT từ ấp 2 đi ấp 3 xã Thanh Hòa                                                                                                                     | Xã Thanh Hòa        | 2023                      | 551m              | 2.200           |                                               | 2.200                                                    |              |                       |                 |              |                       |                 |                           | Bổ sung |
| 58                                      | Xây dựng đường diên và trạm biến áp vào khu vực rừng gen thuộc xã Tân Tiến                                                                                           | Xã Tân Tiến         | 2023                      | 480m              | 650             |                                               | 650                                                      |              |                       |                 |              |                       |                 |                           | Bổ sung |
| 59                                      | Xây dựng đường giao thông từ đường ĐT759B đi ấp Tân Đông, xã Tân Thành đến ấp Tân Nghĩa, Tân Nhân, Tân Phước xã Tân Tiến đi trung tâm xã Tân Tiến                    | Huyện Bù Đốp        | 2023                      | 9.000m            | 45.000          |                                               | 45.000                                                   |              |                       |                 |              |                       |                 |                           | Bổ sung |
| <b>II LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH</b> |                                                                                                                                                                      |                     |                           |                   |                 |                                               |                                                          |              |                       |                 |              |                       |                 |                           |         |
| 1                                       | Xây dựng khu vực phòng thủ                                                                                                                                           | Huyện Bù Đốp        | 2022-2025                 | 20 ha             | 20.000          | 15.000                                        | 20.000                                                   |              |                       |                 | 5.000        |                       |                 | Ban CHQS huyện            |         |
| 2                                       | Xây dựng mở rộng 4 điểm Dân cư liên kế chốt dân quân biên giới                                                                                                       | Huyện Bù Đốp        | 2022-2025                 |                   | 5.400           | 8.000                                         | 5.400                                                    |              |                       |                 | 2.000        |                       |                 | Ban CHQS huyện            |         |

| STT | Danh mục dự án, công trình                                                  | Địa điểm xây dựng                    | Thời gian thực hiện dự án | Năng lực thiết kế | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Vốn năm 2021 |                       |                 | Vốn năm 2022 |                       |                 | Chủ đầu tư               | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------|-------------------|-----------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|---------|
|     |                                                                             |                                      |                           |                   |                 |                                               |                                                          | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện |                          |         |
| 3   | Xây dựng nhà làm việc Công an xã Tân Tiến                                   | Xã Tân Tiến                          | 2022-2025                 |                   | 2.000           | 2.000                                         | 2.000                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 4   | Xây dựng trụ sở Công an xã Thanh Hòa                                        | Xã Thanh Hòa                         | 2022-2025                 |                   | 2.470           | 2.470                                         | 2.470                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 5   | Xây nhà ăn, ở cho Ban CHQS xã Tân Thành                                     | Xã Tân Thành                         | 2022-2025                 |                   | 2.000           | 2.000                                         | 2.000                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 6   | Xây dựng nhà nghỉ cán bộ, chiến sỹ Ban CHQS huyện Bù Đốp                    | Thị trấn Thanh Bình                  | 2022-2025                 |                   | 9.000           |                                               | 9.000                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               | Ban CHQS huyện           |         |
| 7   | Xây dựng hàng rào đại đội BB10 và Ban CHQS huyện Bù Đốp                     | Thị trấn Thanh Bình và xã Hưng Phước | 2022-2025                 | 800m              | 3.000           |                                               | 3.000                                                    |              |                       |                 |              |                       |                 | Ban CHQS huyện           |         |
| 8   | Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Tân Thành                               | Xã Tân Thành                         | 2022-2025                 | 250m2             | 3.000           |                                               | 3.000                                                    |              |                       |                 |              |                       |                 |                          |         |
| III | LĨNH VỰC GIÁO DỤC                                                           |                                      |                           |                   | 58.150          | 43.500                                        | 58.150                                                   | -            | -                     | -               | 8.430        | -                     | 8.430           |                          | Bổ sung |
| 1   | Xây dựng Trường TH&THCS Phước Thiện                                         | Xã Phước Thiện                       | 2022-2025                 | 3.120m2           | 24.650          | 10.000                                        | 24.650                                                   | -            | -                     | -               | 7.395        | -                     | 7.395           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 2   | Xây dựng Nhà tập đa năng, hàng rào trường THCS Bù Đốp                       | Xã Thiện Hưng                        | 2022-2025                 | 450m2             | 3.500           | 3.500                                         | 3.500                                                    | -            | -                     | -               | 1.035        | -                     | 1.035           | Ban QLDA Đầu tư xây dựng |         |
| 3   | Xây dựng Phòng giáo dục thể chất trường TH Tân Tiến                         | Xã Tân Tiến                          | 2022-2025                 | 450m2             | 3.000           | 3.000                                         | 3.000                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 4   | Xây dựng 04 Phòng học lầu, 01 Nhà GDTC trường TH Thiện Hưng A               | Xã Thiện Hưng                        | 2022-2025                 |                   | 4.000           | 4.000                                         | 4.000                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 5   | Xây dựng 08 Phòng học lầu, 07 chức năng, hàng rào trường TH Tân Thành B     | Xã Tân Thành                         | 2022-2025                 |                   | 10.000          | 10.000                                        | 10.000                                                   | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 6   | Xây dựng 06 phòng lầu, cổng, hàng rào và nhà vệ sinh trường TH Thiện Hưng B | Xã Thiện Hưng                        | 2022-2025                 |                   | 5.000           | 5.000                                         | 5.000                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 7   | Xây dựng 08 phòng học lầu trường MN Tuổi Thơ xã Thiện Hưng                  | Xã Thiện Hưng                        | 2022-2025                 |                   | 8.000           | 8.000                                         | 8.000                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| IV  | LĨNH VỰC Y TẾ                                                               |                                      |                           |                   | 4.000           | 4.000                                         | 4.000                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 1   | Thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa huyện                                       | Thị trấn Thanh Bình                  | 2022-2025                 |                   | 4.000           | 4.000                                         | 4.000                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| V   | LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI                                                   |                                      |                           |                   | 166.906         | 170.966                                       | 107.166                                                  | -            | -                     | -               | 4.485        | 4.485                 | 4.485           |                          |         |
| 1   | Xây dựng nhà trưng bày, lưu giữ văn hóa                                     | Thị trấn Thanh Bình                  | 2022-2025                 |                   | 10.000          | 10.000                                        | 10.000                                                   | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |
| 2   | Xây dựng Sân vận động huyện                                                 | Thị trấn Thanh Bình                  | 2022-2025                 |                   | 40.000          | 40.000                                        | 40.000                                                   | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                          |         |

| STT | Danh mục dự án, công trình                             | Địa điểm xây dựng   | Thời gian thực hiện dự án | Năng lực thiết kế | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Vốn năm 2021 |                       |                 | Vốn năm 2022 |                       |                 | Chủ đầu tư                     | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------|-----------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------------------------|---------|
|     |                                                        |                     |                           |                   |                 |                                               |                                                          | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện |                                |         |
| 3   | Xây dựng Khu nghĩa trang xã Hưng Phước                 | Xã Hưng Phước       | 2022-2025                 | 4ha               | 3.000           | 3.000                                         | 3.000                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                                |         |
| 4   | Xây dựng Nhà văn hóa ấp 4 xã Hưng Phước                | Xã Hưng Phước       | 2022-2025                 | 170m2             | 1.800           | 1.800                                         | 1.800                                                    | -            | -                     | -               | -            | -                     | -               |                                |         |
| 5   | Xây dựng Nhà văn hóa ấp Tân Hưng xã Phước Thiện        | Xã Phước Thiện      | 2022-2025                 | 170m2             | 2.210           | 1.800                                         | 2.210                                                    | -            | -                     | -               | 663          | -                     | 663             | Ban QLDA Đầu tư xây dựng       |         |
| 6   | Xây dựng Nhà văn hóa ấp Điện Ảnh xã Phước Thiện        | Xã Phước Thiện      | 2022-2025                 | 170m2             | 1.320           | 1.800                                         | 1.320                                                    | -            | -                     | -               | 396          | -                     | 396             | Ban QLDA Đầu tư xây dựng       |         |
| 7   | Xây dựng nhà văn hóa ấp Tân Trạch xã Phước Thiện       | Xã Phước Thiện      | 2022-2025                 | 180m2             | 1.410           | 1.800                                         | 1.410                                                    | -            | -                     | -               | 423          | -                     | 423             | Ban QLDA Đầu tư xây dựng       |         |
| 8   | Xây dựng nhà văn hóa ấp Mười Mầu xã Phước Thiện        | Xã Phước Thiện      | 2022-2025                 | 180m2             | 1.575           | 1.800                                         | 1.575                                                    | -            | -                     | -               | 473          | -                     | 473             | Ban QLDA Đầu tư xây dựng       |         |
| 9   | Xây dựng nhà văn hóa ấp Tân Lập xã Phước Thiện         | Xã Phước Thiện      | 2022-2025                 | 180m2             | 1.861           | 1.800                                         | 1.861                                                    | -            | -                     | -               | 558          | -                     | 558             | Ban QLDA Đầu tư xây dựng       |         |
| 10  | Xây dựng nhà văn hóa thôn 3 xã Thiện Hưng              | Xã Thiện Hưng       | 2022-2025                 | 177m2             | 1.581           |                                               | 1.581                                                    | -            | -                     | -               | 474          | -                     | 474             | Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện |         |
| 11  | Xây dựng nhà văn hóa thôn 4 xã Thiện Hưng              | Xã Thiện Hưng       | 2022-2025                 | 177m2             | 1.432           |                                               | 1.432                                                    | -            | -                     | -               | 430          | -                     | 430             | Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện |         |
| 12  | Xây dựng nhà văn hóa thôn Thiện Cư xã Thiện Hưng       | Xã Thiện Hưng       | 2022-2025                 | 250m2             | 1.560           |                                               | 1.560                                                    | -            | -                     | -               | 468          | -                     | 468             | Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện |         |
| 13  | Xây dựng nhà văn hóa ấp Thanh Thủy thị trấn Thanh Bình | Thị trấn Thanh Bình | 2022-2025                 | 250m2             | 2.000           |                                               | 2.000                                                    | -            | -                     | -               | 600          | -                     | 600             | UBND thị trấn Thanh Bình       |         |
| 14  | Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 1 xã Thiện Hưng              | Xã Thiện Hưng       | 2023                      | 180m2             | 2.500           |                                               | 2.500                                                    |              |                       |                 |              |                       |                 |                                | Bổ sung |
| 15  | Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 5 xã Thiện Hưng              | Xã Thiện Hưng       | 2023                      | 180m2             | 2.500           |                                               | 2.500                                                    |              |                       |                 |              |                       |                 |                                | Bổ sung |
| 16  | Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 6 xã Thiện Hưng              | Xã Thiện Hưng       | 2023                      | 180m2             | 2.500           |                                               | 2.500                                                    |              |                       |                 |              |                       |                 |                                | Bổ sung |
| 17  | Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 7 xã Thiện Hưng              | Xã Thiện Hưng       | 2023                      | 180m2             | 2.500           |                                               | 2.500                                                    |              |                       |                 |              |                       |                 |                                | Bổ sung |
| 18  | Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 10 xã Thiện Hưng             | Xã Thiện Hưng       | 2023                      | 180m2             | 2.500           |                                               | 2.500                                                    |              |                       |                 |              |                       |                 |                                | Bổ sung |
| 19  | Xây dựng nhà văn hóa ấp 1 xã Thanh Hòa                 | Xã Thanh Hòa        | 2023                      | 180m2             | 2.300           |                                               | 2.300                                                    |              |                       |                 |              |                       |                 |                                | Bổ sung |

| STT         | Danh mục dự án, công trình                                                                               | Địa điểm xây dựng   | Thời gian thực hiện dự án | Năng lực thiết kế | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Vốn năm 2021 |                       |                 | Vốn năm 2022 |                       |                 | Chủ đầu tư               | Ghi chú |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------|-----------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|---------|
|             |                                                                                                          |                     |                           |                   |                 |                                               |                                                          | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện | Tổng         | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện |                          |         |
| 20          | Dự án chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025                                                                  | Huyện Bù Đốp        | 2022-2025                 |                   | 22.617          |                                               | 22.617                                                   |              |                       |                 |              |                       |                 |                          | Bổ sung |
| <b>VI</b>   | <b>LĨNH VỰC XÂY DỰNG</b>                                                                                 |                     |                           |                   |                 |                                               |                                                          |              |                       |                 |              |                       |                 |                          |         |
| 1           | Xây dựng cột mốc thuộc điểm cuối đường mòn Hồ Chí Minh                                                   | Huyện Bù Đốp        | 2022-2025                 |                   | 2.000           | 2.000                                         | 2.000                                                    |              |                       |                 |              |                       |                 |                          |         |
| 2           | Xây dựng khu TM - DV - Dân cư - Hoa viên thị trấn Thanh Bình                                             | Thị trấn Thanh Bình | 2022-2025                 |                   | 5.000           | 5.000                                         | 5.000                                                    |              |                       |                 |              |                       |                 |                          |         |
| 3           | Xây dựng Phòng tiếp công dân, hệ thống 01 cửa, Nhà Thị trấn Thanh Bình                                   | Thị trấn Thanh Bình | 2022-2025                 |                   | 5.000           | 5.000                                         | 5.000                                                    |              |                       |                 |              |                       |                 |                          |         |
| <b>VII</b>  | <b>LĨNH VỰC ĐẦU TƯ DỊCH VỤ-DU LỊCH</b>                                                                   |                     |                           |                   |                 |                                               |                                                          |              |                       |                 |              |                       |                 |                          |         |
| 1           | Vốn đầu tư cho phát triển dịch vụ - du lịch giai đoạn 2022-2025 (Chương trình đột phá)                   | Huyện Bù Đốp        | 2022-2025                 |                   | 22.690          | 20.000                                        | 22.690                                                   |              |                       |                 | 15.000       |                       | 15.000          |                          |         |
| 1.1         | Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Thôn 10 xã Thiện Hưng đến Bến tàu khu vực du lịch sinh thái huyện Bù Đốp | Xã Thiện Hưng       | 2022-2025                 | 2.600m            | 22.690          | 20.000                                        | 22.690                                                   |              |                       |                 | 15.000       |                       | 15.000          | Phòng Kinh tế và Hạ tầng |         |
| <b>VIII</b> | <b>LĨNH VỰC KINH TẾ</b>                                                                                  |                     |                           |                   |                 |                                               |                                                          |              |                       |                 |              |                       |                 |                          |         |
| 1           | Vốn đầu tư chủ trương đột phá chuyển dịch cây trồng, vật nuôi (Chương trình đột phá)                     | Huyện Bù Đốp        | 2022-2025                 |                   | 20.000          | 20.000                                        | 15.000                                                   |              |                       |                 |              |                       |                 |                          |         |



## BIỂU TỔNG HỢP

### KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số: 26 /TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bù Đốp)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Nguồn vốn                                            | Kế hoạch vốn trung hạn<br>2021-2025 |                              | Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn<br>2021-2025 |                  | Ghi chú          |                              |                   |
|-----|------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------|------------------|------------------|------------------------------|-------------------|
|     |                                                      | Tổng số                             | Trong đó:                    |                                                | Tổng số          |                  | Trong đó:                    |                   |
|     |                                                      |                                     | Phân bổ<br>chi tiết<br>(90%) | Dự phòng<br>(10%)                              |                  |                  | Phân bổ chi<br>tiết<br>(90%) | Dự phòng<br>(10%) |
|     | <b>TỔNG SỐ</b>                                       | <b>930.332</b>                      | <b>845.756</b>               | <b>84.576</b>                                  | <b>1.383.502</b> | <b>1.266.034</b> | <b>117.468</b>               |                   |
| 1   | Vốn ngân sách huyện                                  | 868.064                             | 783.488                      | 84.576                                         | 1.292.152        | 1.174.684        | 117.468                      |                   |
| 2   | Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ (làm đường BTXM)           |                                     |                              |                                                | 6.864            | 6.864            | -                            |                   |
| 3   | Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu xây dựng 40<br>phòng học | 28.000                              | 28.000                       | -                                              | 28.000           | 28.000           | -                            |                   |
| 4   | Vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn<br>mới      | 34.268                              | 34.268                       | -                                              | 56.486           | 56.486           | -                            |                   |



**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
**NGUỒN VỐN: TỈNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU XÂY DỰNG 40 PHÒNG HỌC**

(Kèm theo Tờ trình số: 86 /TTtr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bù Đốp)

| STT | Danh mục dự án, công trình                                                         | Địa điểm xây dựng | Thời gian thực hiện dự án | Năng lực thiết kế | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Vốn năm 2021  | Vốn năm 2022 | Chủ đầu tư               | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|-------------------|-----------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------|--------------|--------------------------|---------|
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                   |                   |                           |                   | <b>28.000</b>   | -                                             | <b>21.000</b>                                            | <b>21.000</b> | <b>7.000</b> |                          |         |
|     | <b>DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI</b>                                                         |                   |                           |                   | <b>28.000</b>   | -                                             | <b>21.000</b>                                            | <b>21.000</b> | <b>7.000</b> |                          |         |
|     | <b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO</b>                                                 |                   |                           | <b>40 phòng</b>   | <b>28.000</b>   | -                                             | <b>21.000</b>                                            | <b>21.000</b> | <b>7.000</b> |                          |         |
| 1   | Xây dựng 10 phòng học lâu Trường Tiểu học Tân Thành B (Điểm Tân Phú), huyện Bù Đốp | Xã Tân Thành      | 2021                      | 10 phòng          | 7.000           | -                                             | 5.000                                                    | 5.000         | 2.000        | Ban QLDA đầu tư xây dựng |         |
| 2   | Xây dựng 10 phòng học lâu Trường TH&THCS Thanh Hòa (Điểm ấp 1), huyện Bù Đốp       | Xã Thanh Hòa      | 2021                      | 10 phòng          | 7.000           | -                                             | 5.000                                                    | 5.000         | 2.000        | Ban QLDA đầu tư xây dựng |         |
| 3   | Xây dựng 06 phòng học lâu Trường TH&THCS Thanh Hòa (Điểm ấp 9), huyện Bù Đốp       | Xã Thanh Hòa      | 2021                      | 06 phòng          | 4.200           | -                                             | 3.200                                                    | 3.200         | 1.000        | Ban QLDA đầu tư xây dựng |         |
| 4   | Xây dựng 02 phòng học Trường Tiểu học Thiện Hưng C (Điểm Thôn 1), huyện Bù Đốp     | Xã Thiện Hưng     | 2021                      | 02 phòng          | 1.400           | -                                             | 1.400                                                    | 1.400         | -            | Ban QLDA đầu tư xây dựng |         |
| 5   | Xây dựng 06 phòng học lâu Trường Tiểu học Thiện Hưng A, huyện Bù Đốp               | Xã Thiện Hưng     | 2021                      | 06 phòng          | 4.200           | -                                             | 3.200                                                    | 3.200         | 1.000        | Ban QLDA đầu tư xây dựng |         |
| 6   | Xây dựng 06 phòng học lâu Trường Trung học cơ sở Bù Đốp, huyện Bù Đốp              | Xã Thiện Hưng     | 2021                      | 06 phòng          | 4.200           | -                                             | 3.200                                                    | 3.200         | 1.000        | Ban QLDA đầu tư xây dựng |         |

Đơn vị: Triệu đồng

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
**NGUỒN VỐN: CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2021**

(Kèm theo Tờ trình số: **48b** /TTr-UBND ngày **12** tháng **7** năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bù Đốp)

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Danh mục dự án, công trình                                                  | Địa điểm xây dựng | Thời gian thực hiện dự án | Năng lực thiết kế | Tổng mức đầu tư | Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 | Kế hoạch đầu tư năm 2021 |                       |                 | Kế hoạch đầu tư năm 2022 |                       |                 | Chủ đầu tư          | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|-------------------|-----------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------|-----------------|--------------------------|-----------------------|-----------------|---------------------|---------|
|     |                                                                             |                   |                           |                   |                 |                                               |                                                          | Tổng                     | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện | Tổng                     | Ngân sách tỉnh hỗ trợ | Ngân sách huyện |                     |         |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                            |                   |                           |                   | <b>56.468</b>   | <b>-</b>                                      | <b>56.468</b>                                            | <b>15.000</b>            | <b>15.000</b>         | <b>-</b>        | <b>25.646</b>            | <b>15.000</b>         | <b>10.646</b>   |                     |         |
|     | <b>LĨNH VỰC GIAO THÔNG</b>                                                  |                   |                           |                   | <b>56.468</b>   | <b>-</b>                                      | <b>56.468</b>                                            | <b>15.000</b>            | <b>15.000</b>         | <b>-</b>        | <b>25.646</b>            | <b>15.000</b>         | <b>10.646</b>   |                     |         |
| 1   | Xây dựng đường GTNT áp Bù Tam đi ấp Phước Tiến xã Hưng Phước                | Xã Hưng Phước     | 2021                      | 2.168m            | 3.348           | -                                             | 3.348                                                    | 1.500                    | 1.500                 |                 | 1.107                    |                       | 1.107           | UBND xã Hưng Phước  |         |
| 2   | Xây dựng đường GTNT áp Bù Tam xã Hưng Phước                                 | Xã Hưng Phước     | 2021                      | 3.000m            | 4.420           | -                                             | 4.420                                                    | 1.500                    | 1.500                 |                 | 2.024                    |                       | 2.024           | UBND xã Hưng Phước  |         |
| 3   | Nâng cấp, mở rộng đường GTNT áp 5, ấp Phước Tiến đi Trung tâm xã Hưng Phước | Xã Hưng Phước     | 2021                      | 1.660m            | 14.000          | -                                             | 14.000                                                   | 6.000                    | 6.000                 |                 | 4.198                    |                       | 4.198           | UBND xã Hưng Phước  |         |
| 4   | Nâng cấp, láng nhựa đường từ ấp 3, ấp 4 đi Trung tâm xã Hưng Phước          | Xã Hưng Phước     | 2021                      | 4.586m            | 12.500          | -                                             | 12.500                                                   | 6.000                    | 6.000                 |                 | 3.317                    |                       | 3.317           | UBND xã Hưng Phước  |         |
| 5   | Nâng cấp đường GTNT khu vực Suối Nứa áp Mười Mầu xã Phước Thiện             | Xã Phước Thiện    | 2022                      |                   | 5.500           |                                               | 5.500                                                    |                          |                       |                 | 3.500                    | 3.500                 |                 | UBND xã Phước Thiện |         |
| 6   | Nâng cấp, mở rộng đường GTNT áp Mười Mầu - Tân Lập xã Phước Thiện           | Xã Phước Thiện    | 2022                      |                   | 6.500           |                                               | 6.500                                                    |                          |                       |                 | 4.000                    | 4.000                 |                 | UBND xã Phước Thiện |         |
| 7   | Nâng cấp đường GTNT áp Tân Phước xã Phước Thiện                             | Xã Phước Thiện    | 2022                      |                   | 5.500           |                                               | 5.500                                                    |                          |                       |                 | 3.500                    | 3.500                 |                 | UBND xã Phước Thiện |         |
| 8   | Xây dựng đường GTNT áp Tân Hưng xã Phước Thiện                              | Xã Phước Thiện    | 2022                      |                   | 2.500           |                                               | 2.500                                                    |                          |                       |                 | 2.000                    | 2.000                 |                 | UBND xã Phước Thiện |         |
| 9   | Xây dựng đường soi dỏ ấp Mười Mầu xã Phước Thiện                            | Xã Phước Thiện    | 2022                      |                   | 2.200           |                                               | 2.200                                                    |                          |                       |                 | 2.000                    | 2.000                 |                 | UBND xã Phước Thiện |         |